TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 28-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vương Thị Thu Lan;
2. Bà Hà Thị Minh Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Lý Thu H, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1989, tại: huyện T, tỉnh Yên Bái.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ A, xã B, tỉnh Lào Cai (tổ A, thị trấn B, huyện H, tỉnh Lào Cai (cũ); tạm trú: Thôn C, xã T, tỉnh Lào Cai (tổ dân phố số A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái (cũ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn:12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H1 và bà Nguyễn Thị L; chồng: Bùi Duy T; con: Có 04 người con, người con lớn sinh năm 2013, người con nhỏ sinh ngày 08/11/ 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07/2025/LCĐKNCT ngày 21/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại thôn Cổ Phúc 3, xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai; có mặt.

- *Bị hại*:

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Lào Cai (Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái (cũ), có mặt.

+ Ông Bùi Ngọc H3, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Lào Cai (Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái (cũ), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Lào Cai (Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái (cũ), vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Lào Cai (tổ dân phố số 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái (cũ), có mặt.

+ Bà Vũ Thị Thọ, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Lào Cai (Thôn M, xã Q, huyện Y, tỉnh Yên Bái (cũ), có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Bùi Duy T, sinh năm 1984; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước. Khoảng cuối tháng 11, đầu tháng 12/2024, Lý Thu H vay của chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983, trú tại thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái (cũ) số tiền là 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). Do khó khăn về kinh tế, đến ngày 08/12/2024, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H2 thông qua việc lừa bán đất. Thực hiện ý đồ của mình, H sử dụng ứng dụng Messenger nhắn tin với chị H2 để đưa ra thông tin: H có hai mảnh đất địa chỉ ở gần Trường THPT Đ và cầu N (thuộc thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái nay là xã T, tỉnh Lào Cai) muốn bán, với giá lần lượt là 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng) và 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng). H nói với chị H2 nguồn gốc đất là do H đấu giá được. Để làm tin, H đã dẫn chị H2 trực tiếp đi xem vị trí đất và đưa cho chị H2 xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sổ đỏ) mang tên Đỗ Văn C, sinh năm 1985, trú tại Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái (là người chung sống như vợ chồng với H nhưng không đăng ký kết hôn) và nói với chị H2 là C đã ủy quyền cho H đứng ra làm thủ tục bán đất. Chị H2 đã tin tưởng và đồng ý mua cả hai thửa đất trên với giá 930.000.000đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng). H tự giới thiệu mình có mối quan hệ với người làm sổ đỏ nhanh không cần ra công chứng và mất nhiều thời gian như trình tự thủ tục thông thường, do tin tưởng nên chị H2 đã nhờ H làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho vợ chồng chị H2 (Nguyễn Thị H2 – Bùi Văn H3) đối với 02 (Hai) thửa đất, đồng thời cung cấp thông tin cá nhân và đưa cho H số tiền 28.000.000đồng (Hai mươi tám triệu đồng) để tiến hành làm thủ tục.

Sau đó, H lên Facebook tìm kiếm thông tin và đặt làm 02 (Hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của người không quen biết với số tiền là 29.400.000 đồng/ 02 giấy. Đến sáng ngày 17/12/2024, H nhận được một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số DĐ234356, địa chỉ tại tổ dân phố số 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái mang tên ông Bùi Ngọc H3 và bà Nguyễn Thị H2, thông qua nhân viên giao hàng (không nhớ là hãng nào). Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H mang sổ đỏ giả vừa nhận được đến nhà đưa cho vợ chồng chị H2 xem. Sau đó, chị H2 đưa thêm cho H 202.500.000đ (Hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mặt và thống nhất tính tổng số tiền chị H2 đã thanh toán mua đất của H là 250.000.000đ (có

cộng thêm các khoản 19.500.000đ tiền H đã vay và 28.000.000đ tiền chị H2 đưa làm thủ tục sang tên). Số tiền còn lại sẽ cho chị H2 trả dần.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền của chị H2, H đã dùng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến ngày 19/12/2024, chị H2 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Yên Bái để kiểm tra thì được biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó không có trong hồ sơ quản lý của phòng và là giấy tờ giả nên đã đến Công an thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là Công an xã T, tỉnh Lào Cai) trình báo vụ việc.

Tại bản Kết luận giám định số 53/KL-KTHS ngày 15/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái xác định: "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số DĐ234356, mang tên ông Bùi Ngọc H3 (năm sinh 1969, CCCD số 015069005203; địa chỉ thường trú: thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái) và bà Nguyễn Thị H2 (năm sinh 1983, CCCD số 015183008968, địa chỉ thường trú: thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái), đề nơi cấp Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái, đề ngày cấp 16/12/2024 (tài liệu ký hiệu A). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu A gửi giám định là giả*".

Đối với quyển sổ đỏ mang tên Đỗ Văn C mà Lý Thu H đã đưa cho chị Hoàn xem để làm tin, H khai nhận tự đặt mua trên mạng xã hội Facebook từ năm 2021, H cung cấp thông tin thửa đất theo bài đăng trên mạng của người bán đất còn việc vẽ sơ đồ do người làm giả tự làm sau đó nhận được quyển sổ đỏ giả thông qua hình thức chuyển phát nhanh, đến nay không còn thông tin gì về người làm sổ đỏ giả. Khi làm sổ đỏ giả mang tên vợ chồng chị H2 thì H đã đốt sổ đỏ giả mang tên Đỗ Văn C nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Tiến hành xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Yên Bái, Cơ quan điều tra xác định tại thời điểm H cho chị H2 xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đỗ Văn C thì thửa đất tại tổ dân phố số 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái đang được thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cho ông Đào Việt D và bà Nguyễn Thị Kim N. Lấy lời khai Đỗ Văn C xác nhận không có quyền sử dụng đối với thửa đất nào, không biết việc H làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình để thực hiện hành vi lừa đảo tiền của chị H2.

Đối với người đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng chị H2, Cơ quan điều tra đã xác minh số điện thoại di động của tài khoản Zalo và các giao dịch chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của người nhận làm giấy tờ giả (theo lời khai của H). Kết quả thấy chủ thuê bao số điện thoại di động đăng ký Zalo không dùng số điện thoại này và không sử dụng Zalo. Chủ tài khoản ngân hàng nhận tiền làm giấy tờ giả (không cùng tên, địa chỉ với người đăng ký Zalo) là người bán hàng online, thường xuyên có người nhờ nhận – chuyển tiền và không xác định được nội dung giao dịch đó là gì. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Lý Thu H đã thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với Kết quả giám định tài liệu, lời khai của bị hại, kết quả tài liệu thu thập được trên điện thoại của bị cáo và bị hại; phù hợp với kết quả xác minh, lấy lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 32/CT-VKS-KV3 ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai truy tố Lý Thu H về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Thu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Thu H từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Thu H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lý Thu H phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì (sau khi đã mở niêm phong); tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng bạc, màn hình cảm ứng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thoả thuận bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Bị hại đã nhận lại số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị hại đã được bị cáo trả lại số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Vũ Thị T khai những tình tiết có liên quan đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Bị cáo Lý Thu H khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra.

* Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái nay là Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại là anh Bùi Ngọc H3 vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn C vắng mặt. Xét thấy bị hại anh Bùi Ngọc H3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn C vắng mặt và đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với bản tự khai và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/12/2024, đến ngày 17/12/2024 tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai), Lý Thu H đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để tạo niềm tin, sau đó đưa chị Nguyễn Thị H2 đi xem vị trí đất và đứng ra nhận làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rồi đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để bán cho chị H2 02 (hai) thửa đất không thuộc quyền sử dụng của mình, chiếm đoạt được 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối, cung cấp thông tin giả để chiếm đoạt tài sản số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) của bị cáo Lý Thu H đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để tạo niềm tin làm chị Nguyễn Thị H2 tin tưởng đồng ý mua 02 thửa đất của Lý Thu Hằng đã phạm vào tội " Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân nhân dân khu vực 3- Lào Cai đã truy tố Lý Thu H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội " Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hai khách thế khác nhau được Bộ luật Hình sự bảo vệ là quyền sở hữu tài sản của công dân và trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn

xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội. Bị cáo đã tự nguyện trả lại bị hại số tiền 250.000.000 đồng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "tự nguyện khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đây là những tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Lý Thu H không có tiền án, tiền sự.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng với bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị H2 và anh Bùi Ngọc H3 đã nhận lại tài sản đến nay không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại SAMSUNG thu giữ của bị cáo Lý Thu H đây là điện thoại bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; 01 phong bì sau khi đã mở niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về các vấn đề khác:

Đối với người đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Đối với số tiền Lý Thu H giao nộp 10.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại và số tiền bà Nguyễn Thị L giao nộp 30.000.000 đồng là số tiền H chiếm đoạt của bị hại rồi trả nợ cho bà L. Số tiền này cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là phù hợp.

Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số DĐ234356, mang tên ông Bùi Ngọc H3 (năm sinh 1969, CCCD số 015069005203; địa chỉ thường trú: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái) và bà Nguyễn Thị H2 (năm sinh 1983, CCCD số 015183008968, địa chỉ thường trú: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái), đề nơi cấp Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái, đề ngày cấp 16/12/2024 được đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi vi phạm hành chính: Từ năm 2022 đến tháng 12/2024 tại thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái (cũ) Lý Thu H đã có hành vi đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác nên bị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Những nội dung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tại phiên toà là có căn cứ được Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[14] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Thu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Thu H 08 (Tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Thu H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lý Thu H phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì giấy màu trắng (sau khi đã mở niêm phong), mặt trước ghi "Điện thoại di động tạm giữ của Lý Thu H (sau khi kiểm tra)". Mặt sau các mép được dán kín, có chữ ký, họ tên Nguyễn T, Trần Văn A, Đoàn Thị Bích N, Lý Thu H và 04 (bốn) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện T.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 356026210766734, số IMEI 2: 358670190766731, lắp sim số thuê bao 0982710734 và 0918973107 đã qua sử dụng thu giữ của Lý Thu H (sau khi mở niêm phong).

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Lào Cai).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lý Thu H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án (phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án (phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3- Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT, CQTHAHS, HS-NV Công an tỉnh Lào Cai;
- THA Dân sự tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ (3);
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương